

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ THỊ THÙY LINH

ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG
TẠI THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 60 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. LÊ THỊ THU THỦY

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP 7

1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp 7

1.1.1. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp 7

1.1.2. Khái niệm ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp 8

1.1.3. Đặc điểm, vai trò của ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp 10

1.2. Các loại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp 12

1.2.1. Phân loại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật của một số nước trên thế giới..... 12

1.2.2. Phân loại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam 17

1.3. Nguyên tắc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp..... 22

1.4. Sự cần thiết điều chỉnh pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp 24

1.5. Nội dung các quy định của pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp..... 29

1.5.1. Chủ thể và thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN 29

1.5.2.	Trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN	31
1.5.3.	Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ưu đãi thuế TNDN	33
1.6.	Những yếu tố tác động đến pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.....	34
1.6.1.	Ảnh hưởng của tình hình kinh tế - xã hội và chính sách, pháp luật về ưu đãi thuế TNDN trên thế giới	34
1.6.2.	Ảnh hưởng của tình hình kinh tế và pháp luật Việt Nam.....	38
	Kết luận Chương 1	39
	Chương 2: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG	40
2.1.	Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội và các quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Dương.....	40
2.1.1.	Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội thành phố Hải Dương	40
2.1.2.	Các văn bản quy định về ưu đãi thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Dương.....	40
2.2.	Thực tiễn thi hành những quy định pháp luật Việt Nam về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Dương.....	41
2.2.1.	Về tính minh bạch của các chính sách ưu đãi thuế TNDN	41
2.2.2.	Về chủ thể được hưởng ưu đãi và diện ưu đãi.....	43
2.2.3.	Về ưu đãi thuế suất	50
2.2.4.	Về thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN và thời gian miễn thuế, giảm thuế.....	53
2.2.5.	Vấn đề về giảm thuế đối với một số trường hợp khác	54
2.2.6.	Về thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN và xử phạt vi phạm pháp luật về ưu đãi thuế TNDN.....	55

2.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn thi hành pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Dương.....	61
2.3.1. Những ưu điểm của pháp luật về ưu đãi thuế TNDN hiện nay.....	61
2.3.2. Những hạn chế của pháp luật thuế TNDN hiện nay.....	67
2.3.3. Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn thi hành những quy định về ưu đãi thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Dương	72
Kết luận Chương 2	79
Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ...	80
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế TNDN ...	80
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về ưu đãi thuế TNDN.....	84
3.2.1. Về mức ưu đãi thuế suất thuế TNDN	84
3.2.2. Về diện ưu đãi thuế TNDN và địa bàn hưởng ưu đãi thuế TNDN ...	87
3.2.3. Về chính sách ưu đãi thuế TNDN.....	90
3.2.4. Về thủ tục hưởng ưu đãi thuế TNDN	91
3.2.5. Đảm bảo tính thống nhất về nội dung ưu đãi thuế TNDN trong các văn bản pháp luật có liên quan	92
3.2.6. Kiến nghị về một số vấn đề liên quan	92
3.3. Kiến nghị đối với Chi cục thuế thành phố Hải Dương.....	94
Kết luận Chương 3	96
KẾT LUẬN	97
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	99

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chính sách ưu đãi thuế TNDN không những làm giảm thiểu sự phân biệt giữa đầu tư nước ngoài với đầu tư trong nước về điều kiện và mức ưu đãi, chính sách này còn đáp ứng được yêu cầu của WTO về đối xử bình đẳng giữa các quốc gia. Sau hơn 05 năm đi vào thực hiện, những quy định về ưu đãi thuế suất thuế TNDN đã có những tác động tích cực cả về mặt kinh tế, về thu ngân sách nhà nước, về thúc đẩy đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện và trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn tới, Luật thuế TNDN đã bộc lộ những nhược điểm và hạn chế cần được nghiên cứu, xem xét, sửa đổi và bổ sung ở một số điểm như sau:

- Mức thuế suất 25% tuy đã giảm so với Luật năm 2004 và đã phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên chưa thực sự có sự cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài do các nước trong khu vực đã có sự điều chỉnh giảm;

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN còn dàn trải, phức tạp, chưa phát huy hiệu quả phân bổ nguồn lực trong đầu tư để đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế theo vùng và lãnh thổ, nhất là thu hút đầu tư và các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Những hạn chế trên tuy đã phần nào được giải quyết qua Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, nhưng trên thực tế khi áp dụng những quy định trong cả luật cũ cũng như luật mới thì vẫn còn nhiều vướng mắc, cụ thể:

Chủ thể được hưởng ưu đãi vẫn chưa rõ ràng, các doanh nghiệp vẫn không nắm rõ được liệu mình có thuộc diện được hưởng ưu đãi hay không;

Các văn bản dưới luật được ban hành tuy đã cụ thể hóa một số điều của Luật, nhưng lại xảy ra tình trạng có quá nhiều văn bản được ban hành cùng lúc, dẫn đến tình trạng “loạn chính sách”, người nộp thuế rất khó nắm bắt được kịp thời các quy định của pháp luật.

Trên địa bàn thành phố Hải Dương cũng đã xảy ra tình trạng các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn vướng mắc khi áp dụng các văn bản pháp luật về thuế TNDN, đặc biệt là khi xác định về ưu đãi thuế TNDN mà doanh nghiệp mình được hưởng. Theo các công văn hỏi đáp chính sách về thuế mà doanh nghiệp gửi lên Chi cục thuế TP Hải Dương, đa số các doanh nghiệp đều gặp khó khăn khi xác định liệu doanh nghiệp mình có thuộc diện được ưu đãi về thuế TNDN hay không? Và với những điều kiện của doanh nghiệp như vậy thì doanh nghiệp sẽ được hưởng ưu đãi trong thời gian là bao nhiêu lâu? Đây là những điểm khó khăn chung của các doanh nghiệp đồng thời cũng là những hạn chế của các văn bản pháp luật hiện hành.

Vì vậy tôi chọn đề tài: *“Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hải Dương”* làm đề tài nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian qua, các công trình nghiên cứu về thuế và thuế TNDN ở Việt Nam khá đa dạng. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu sâu sắc về thuế TNDN, đặc biệt là pháp luật về ưu đãi thuế TNDN kể từ khi Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 chính thức có hiệu lực thi hành còn rất hạn chế.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Với đề tài: “Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hải Dương”, tôi đi sâu vào phân

tích thực trạng thi hành pháp luật cũng như một số bất cập còn tồn tại về ưu đãi thuế TNDN nói chung và trên địa bàn thành phố Hải Dương nói riêng với mục tiêu cuối cùng là chỉ ra những thiếu sót về mặt luật pháp, những vướng mắc khi thi hành những quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp gây khó khăn cho đối tượng nộp thuế và cán bộ thu thuế của, từ đó đưa ra những kiến nghị và giải pháp nhằm cải thiện những thực trạng đã nêu.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Phân tích thực trạng pháp luật về ưu đãi thuế TNDN Việt Nam và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hải Dương thông qua số liệu và vụ án nhằm làm rõ những ưu điểm cũng như vướng mắc của những quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp;

- So sánh những quy định về ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam với một số nước khác như Trung Quốc, Mỹ...để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam;

- Qua phân tích, so sánh, đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện những quy định pháp luật về ưu đãi thuế TNDN cho phù hợp hơn với tình hình thực tiễn hiện nay của Việt Nam và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật cho địa bàn thành phố Hải Dương.

4. Tính mới và đóng góp của đề tài

- Đề tài chỉ đi vào nghiên cứu sâu về ưu đãi thuế TNDN chứ không phân tích tất cả các vấn đề về thuế TNDN nói chung dưới góc độ pháp luật;

- Đề tài tập trung nhiều về ưu đãi thuế suất thuế TNDN, đây là một quy định đã được sửa đổi và mới đi vào thực tế từ năm 2009 và mới đây nhất là được sửa đổi lại trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN mới ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, sau khi áp dụng vào thực tế chưa có đề tài nào đề cập đến.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Qua nghiên cứu một số vấn đề lý luận về thuế TNDN và pháp luật về ưu đãi thuế TNDN (từ khi ban hành Luật thuế TNDN năm 2008) và thực tế áp dụng những quy định ưu đãi thuế TNDN vào cuộc sống, luận văn sẽ tập trung phân tích những mặt tích cực và mặt hạn chế, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm đóng góp những ý kiến trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế TNDN.

Đề tài được tiến hành nghiên cứu và tham khảo số liệu tại Chi cục thuế thành phố Hải Dương.

6. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp so sánh (Ví dụ: So sánh các văn bản pháp luật Việt Nam với pháp luật của các nước trên thế giới về ưu đãi thuế TNDN; so sánh các quy định pháp luật về ưu đãi thuế TNDN qua các thời kỳ), phân tích, tổng hợp, thống kê dữ liệu. Đặc biệt, những dữ liệu trong đề tài được tham khảo tại Chi cục thuế thành phố Hải Dương.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo; luận văn gồm có 03 chương:

Chương 1. Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Chương 2. Thực trạng áp dụng các quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại thành phố Hải Dương

Chương 3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp

Có thể đưa ra một khái niệm về thuế TNDN được pháp luật Việt Nam và nhiều nước khác thừa nhận: Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập của cơ sở kinh doanh trong kỳ tính thuế sau khi đã trừ đi các chi phí liên quan đến thu nhập đó.

1.1.2. Khái niệm ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Như vậy, *pháp luật về ưu đãi thuế TNDN được hiểu là những quy định về những biện pháp, những lợi ích nhằm giảm bớt gánh nặng về thuế TNDN cho các nhà đầu tư, khuyến khích và thu hút đầu tư mà Nhà nước dành cho những doanh nghiệp hoặc những nhóm doanh nghiệp nhất định (ưu đãi về thuế suất, thời gian miễn, giảm thuế...) so với những đối tượng chịu thuế khác trong cùng điều kiện nhất định.*

1.1.3. Đặc điểm, vai trò của ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

- Ưu đãi thuế TNDN tức là hình thức cho người nộp thuế được hưởng những điều kiện thuận lợi khi nộp thuế TNDN.

- Ưu đãi thuế TNDN góp phần tạo nguồn thu cho NSNN

- Ưu đãi thuế TNDN là công cụ điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.

- Ưu đãi thuế TNDN góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, khuyến khích đầu tư và thay đổi cơ cấu kinh tế.

1.2. Các loại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.1. Phân loại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật của một số nước trên thế giới

1.2.1.1. Ưu đãi thuế theo loại nhà đầu tư

Một hình thức ưu đãi thường được áp dụng ở các nước đang phát triển cũng như các nước đang trong giai đoạn chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường là ưu đãi thuế TNDN cho các nhà đầu tư nước ngoài nhằm thúc đẩy thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Một hình thức khác là ưu đãi thuế cho các nhà đầu tư mới kể từ ngày đăng ký kinh doanh, ngày sáp nhập hoặc ngày bắt đầu đi vào hoạt động.

1.2.1.2. Ưu đãi thuế theo quy mô đầu tư

Nhằm đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, một số nước đã áp dụng ưu đãi thuế TNDN cho các nhà đầu tư lớn có các hoạt động đầu tư vượt hạn mức vốn đầu tư quy định. Ở mỗi quốc gia, hạn mức vốn đầu tư được quy định là rất khác nhau và chỉ giới hạn đối với một số loại hình đầu tư nhất định. Ví dụ: Hàn Quốc: 100 triệu USD; Indonesia: 700 triệu USD; Cộng hoà Séc: 5 triệu USD; Thổ Nhĩ Kỳ: 250 triệu USD.

1.2.1.3. Ưu đãi thuế theo ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, theo yếu tố đầu vào

Trong nhiều năm qua nhiều quốc gia đã thực hiện ưu đãi thuế TNDN cho một số ngành kinh tế hoặc một số lĩnh vực hoạt động theo định hướng của nhà nước. Nhiều nước đã áp dụng ưu đãi thuế cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp, sản xuất chế tạo hoặc một số ngành “mũi nhọn”, hoạt động nghiên cứu triển khai và chuyển giao công nghệ. Trung Quốc, Ailen, Cộng hoà Séc thực hiện ưu đãi thuế TNDN cho các hoạt động thuộc nhóm sản xuất chế tạo.

1.2.1.4. Ưu đãi thuế theo khu vực địa lý

Tùy vào khu vực địa lý, địa bàn hoạt động của DN mà nhà nước có chính sách ưu đãi khác nhau. Để khuyến khích đầu tư vào các vùng kém phát triển của đất nước hoặc một số khu vực đặc biệt, nhiều quốc gia cũng áp dụng biện pháp ưu đãi thuế TNDN.

1.2.2. Phân loại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam

1.2.2.1. Ưu đãi về thuế suất

Ưu đãi về thuế suất thuế TNDN có nghĩa là các doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật sẽ được hưởng mức thuế suất thấp hơn để tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất. Theo quy định của pháp luật hiện hành, mức thuế suất ưu đãi cho các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện là từ 10-20%.

1.2.2.2. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế

Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm; doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo.

1.2.2.3. Các trường hợp giảm thuế khác

Doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số chi thêm cho lao động nữ.

Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số được

giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số chi thêm cho lao động là người dân tộc thiểu số.

1.2.2.4. Chuyển lỗ

Doanh nghiệp có lỗ được chuyển số lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế. Thời gian được chuyển lỗ không quá năm năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.

Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản chỉ được chuyển số lỗ vào thu nhập tính thuế của hoạt động này.

1.2.2.5. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp chỉ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

1.3. Nguyên tắc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

- Trong thời gian đang ưu đãi thuế TNDN nếu doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN (bao gồm mức thuế suất ưu đãi hoặc miễn, giảm thuế).

- Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh lần đầu.

- Trong cùng một kỳ tính thuế nếu có một khoản thu nhập thuộc diện áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế theo nhiều trường hợp khác nhau thì doanh nghiệp tự lựa chọn một trong những trường hợp ưu đãi thuế TNDN có lợi nhất.

- Doanh nghiệp thành lập từ chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển

đổi sở hữu, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất chịu trách nhiệm trả các khoản nợ tiền thuế, tiền phạt về thuế TNDN của doanh nghiệp bị chuyển đổi, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và được kế thừa các ưu đãi về thuế TNDN cho thời gian còn lại nếu tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi thuế TNDN.

1.4. Sự cần thiết điều chỉnh pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Sở dĩ cần điều chỉnh bằng pháp luật để đảm bảo sự công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh của DN. Đặc biệt để tập trung nguồn lực tài chính phát triển những ngành nghề mũi nhọn và phát triển kinh tế, xã hội của những địa bàn có điều kiện khó khăn, đồng thời giảm sức ép đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Một chính sách thuế hợp lý, rõ ràng, minh bạch, hiệu quả có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường hạch toán kế toán, mang lại lợi ích cho cả doanh nghiệp và NSNN.

Pháp luật về ưu đãi thuế TNDN vẫn còn một số bất cập dẫn đến yêu cầu đòi hỏi phải điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

1.5. Nội dung các quy định của pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

1.5.1. Chủ thể và thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN

Theo Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Chương III Luật thuế TNDN năm 2008, chủ thể được hưởng ưu đãi thuế TNDN là những doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư (có kèm theo những điều kiện cụ thể được quy định trong điều luật) và những doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực thuộc diện xã hội hoá.

1.5.2. Trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN

Trình tự thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN căn cứ vào phương thức tính thuế và cách thức xác định thu nhập tính thuế để tính số thuế phải nộp trong kỳ. Thủ tục này được quy định tại Luật thuế TNDN số 32/2013/QH 13 và theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế.

1.5.3. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ưu đãi thuế TNDN

Hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và các mức xử phạt được quy định cụ thể trong Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (thay thế cho Nghị định 98/2007/NĐ-CP từ ngày 15/10/2013).

1.6. Những yếu tố tác động đến pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

1.6.1. Ảnh hưởng của tình hình kinh tế - xã hội và chính sách, pháp luật về ưu đãi thuế TNDN trên thế giới

1.6.2. Ảnh hưởng của tình hình kinh tế và pháp luật Việt Nam

Kết luận Chương 1

Thuế không chỉ gắn liền mà còn có một ảnh hưởng rất lớn đối với thu nhập cũng như những chính sách, chiến lược phát triển riêng của các doanh nghiệp trong từng giai đoạn khác nhau. Trong các sắc thuế thì thuế TNDN có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các cơ sở kinh doanh. Vì thế, thông qua pháp luật ưu đãi, miễn giảm thuế đã tác động lớn đến việc

đầu tư vốn và tổ chức hoạt động của các cơ sở kinh doanh. Các quy định về Ưu đãi thuế TNDN ở Việt Nam có thực sự đang tạo điều kiện thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh, thu hút đầu tư nước ngoài hay thực tế còn tồn tại những hạn chế nhất định? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong Chương 2 của luận văn - Thực trạng áp dụng các quy định về ưu đãi thuế TNDN tại thành phố Hải Dương.

Chương 2

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

2.1. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội và các quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Dương

2.1.1. Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội thành phố Hải Dương

2.1.2. Các văn bản quy định về ưu đãi thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Dương

Với đặc thù quản lý chỉ trong địa bàn thành phố Hải Dương, Chi cục thuế thành phố Hải Dương không ban hành những văn bản quy định cụ thể về ưu đãi thuế TNDN, mà thông qua việc kiểm tra các doanh nghiệp trên địa bàn để hướng dẫn và có những văn bản quy định cụ thể, phù hợp gửi tới từng doanh nghiệp. Những quy định về ưu đãi thuế TNDN trên địa bàn thường thực hiện thông qua những biên bản kiểm tra và những quyết định sau khi đã có biên bản kiểm tra.

2.2. Thực tiễn thi hành những quy định pháp luật Việt Nam về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Dương

2.2.1. Về tính minh bạch của các chính sách ưu đãi thuế TNDN

Theo ý kiến của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Dương, vấn đề khó khăn về chính sách ưu đãi thuế TNDN vẫn nằm ở việc các văn bản quy định vẫn còn khá rắc rối và khó hiểu. Để xác định được diện ưu đãi vẫn còn gặp nhiều khó khăn và phải qua nhiều khâu giám sát cũng như thủ tục hành chính.

2.2.2. Về chủ thể được hưởng ưu đãi và diện ưu đãi

Nghị định 124/2008/NĐ-CP quy định chi tiết về thuế TNDN đã cụ thể hóa về ưu đãi thuế, tuy nhiên Nghị định này mới tập trung ưu đãi đối với những dự án, doanh nghiệp có liên quan đến ngành, lĩnh vực đầu tư và địa bàn đầu tư trong khi đó chưa chú trọng đến quy mô vốn, doanh thu của doanh nghiệp.

2.2.3. Về ưu đãi thuế suất

Thuế suất thuế TNDN được quy định tại Điều 10 Luật thuế TNDN năm 2008 là 25%. Trong những trường hợp được ưu đãi, doanh nghiệp có thể được hưởng mức thuế suất thấp hơn. Cụ thể quy định tại Điều 15 Nghị định 124/2008/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật thuế TNDN năm 2008.

2.2.4. Về thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN và thời gian miễn thuế, giảm thuế

Miễn thuế, giảm thuế là việc cơ quan quản lý thuế quyết định cho chủ thể nộp thuế được hưởng những ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật. Miễn thuế là ưu đãi mà theo đó, chủ thể nộp thuế được miễn trừ nghĩa vụ nộp tiền thuế. Giảm thuế là ưu đãi mà theo đó, chủ thể nộp thuế được miễn trừ một phần nghĩa vụ nộp tiền thuế.

2.2.5. Vấn đề về giảm thuế đối với một số trường hợp khác

Điều 17 Nghị định 124/2008/NĐ-CP quy định về các trường hợp giảm thuế khác.

2.2.6.1. Thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN

Thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN gồm có 04 bước chính, sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết và nộp hồ sơ gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, cơ quan thuế sẽ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trả lời doanh nghiệp về việc doanh nghiệp có thuộc diện ưu đãi hay không, thủ tục hồ sơ có đầy đủ hay không và doanh nghiệp có thuộc diện kiểm tra trước khi xét ưu đãi thuế hay không?

2.2.6.2. Xử phạt vi phạm pháp luật về ưu đãi thuế

Cơ quan thuế khi kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp phải kiểm tra các điều kiện được hưởng ưu đãi thuế, số thuế TNDN được miễn, giảm thuế, số lỗ được trừ vào thu nhập chịu thuế theo đúng điều kiện thực tế mà doanh nghiệp đáp ứng được. Trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thì cơ quan thuế xử lý truy thu thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

2.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn thi hành pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Dương

2.3.1. Những ưu điểm của pháp luật về ưu đãi thuế TNDN hiện nay

Thứ nhất: Pháp luật thuế TNDN đã giới hạn phạm vi ưu đãi vào những ngành nghề trọng điểm

Thứ hai: Pháp luật ưu đãi thuế TNDN hiện nay đã khắc phục được tình trạng ưu đãi dàn trải, tập trung ưu đãi thu hút đầu tư vào các địa bàn khó khăn

Thứ ba: Pháp luật thuế TNDN của Việt Nam hiện nay đang rất chú trọng đến một số ngành, lĩnh vực đặc biệt như: Bảo vệ môi trường, khoa học công nghệ...

Thứ tư: Pháp luật ưu đãi thuế TNDN hiện nay đã tăng thêm quyền tự chủ cho các doanh nghiệp và phần nào giảm bớt gánh nặng công việc cho các cán bộ ngành thuế

2.3.2. Những hạn chế của pháp luật thuế TNDN hiện nay

Thứ nhất: Quy định ưu đãi thuế còn dàn trải, thiếu tập trung và thống nhất

Thứ hai: Hạn chế về thủ tục hưởng ưu đãi

Thứ ba: Tình trạng chồng chéo, thiếu đồng nhất về nội dung quy định giữa các văn bản pháp lý liên quan đến ưu đãi thuế TNDN còn khá phổ biến.

2.3.3. Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn thi hành những quy định về ưu đãi thuế TNDN trên địa bàn thành phố Hải Dương

Một là: Tình trạng trốn thuế, gian lận trong các doanh nghiệp vẫn còn tiếp diễn

Hai là, tình trạng cán bộ thuế gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi

Ba là: Thực tế các doanh nghiệp hiện nay đang gặp khó khăn trong việc xác định ưu đãi thuế của doanh nghiệp mình

Kết luận Chương 2

Tóm lại, cùng với sự vận động và phát triển không ngừng của kinh tế, xã hội, sự học hỏi kinh nghiệm xây dựng pháp luật thuế của các nước trên thế giới, Luật thuế TNDN ở Việt Nam hiện nay vẫn đang tiếp tục được xem xét, nghiên cứu để không ngừng hoàn thiện hơn trên cơ sở bảo đảm an sinh xã hội, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa các khu vực kinh tế khác nhau và tăng số thu từ sắc thuế này. Trong quá trình đổi mới đó, pháp luật ưu đãi thuế TNDN đã được chú

trọng xây dựng, từng bước hoàn thiện, góp phần cải thiện môi trường đầu tư hấp dẫn, thông thoáng, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới, pháp luật ưu đãi thuế TNDN vẫn không tránh khỏi việc tồn tại những hạn chế nhất định cả về nội dung quy định, thủ tục pháp lý và nhận thức của người thực thi. Do vậy, cần thiết phải sớm tìm ra các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật ưu đãi thuế TNDN, để ưu đãi thuế TNDN thực sự là một chính sách kích thích các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế TNDN

- Pháp luật ưu đãi thuế TNDN phải góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Pháp luật ưu đãi thuế TNDN phải khắc phục được những bất cập hạn chế của pháp luật ưu đãi thuế TNDN hiện nay.
- Pháp luật ưu đãi thuế TNDN phải phù hợp với quá trình cải cách của cả hệ thống thuế, đáp ứng được với tiến trình phát triển, hội nhập của Việt Nam trong thời gian tới.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về ưu đãi thuế TNDN

3.2.1. Về mức ưu đãi thuế suất thuế TNDN

Về mức hạ hợp lý, theo tác giả, trước hết chỉ cần điều chỉnh giảm

thuế suất thuế phổ thông từ 25% xuống còn ở mức 23%-22% chung cho tất cả các doanh nghiệp, sau đó sẽ tiếp tục điều chỉnh giảm theo lộ trình từ nay đến năm 2020 dần dần xuống còn 20% tùy tình hình phát triển kinh tế của đất nước.

Bổ sung thêm trường hợp ưu đãi đối với dự án đầu tư chỉ đáp ứng điều kiện là dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư

3.2.2. Về diện ưu đãi thuế TNDN và địa bàn hưởng ưu đãi thuế TNDN

- Bổ sung ưu đãi thuế TNDN đối với phần mở rộng của các dự án đầu tư ban đầu.

Theo tác giả, với quy định trên nên có thêm quy định về những trường hợp sáp nhập hay mua lại của các doanh nghiệp, trường hợp nào được hưởng ưu đãi và trường hợp nào không được hưởng ưu đãi để tránh gây thiệt thòi cho một số doanh nghiệp muốn mở rộng sản xuất một cách chính đáng.

3.2.3. Về chính sách ưu đãi thuế TNDN

Trong thời gian tới để việc quản lý có hiệu quả, tạo sự thuận lợi cho các doanh nghiệp khi tiếp cận với những chính sách thuế, các nhà làm luật nên nghiên cứu về tất cả các chính sách về ưu đãi thuế TNDN trong các văn bản pháp luật hiện nay và nên có sự thống nhất, tập trung các chính sách lại cho dễ hiểu, dễ áp dụng với cách thức để doanh nghiệp có thể dễ tiếp cận được thông tin mà không gây trường hợp “loạn chính sách” như hiện nay.

Bên cạnh đó cần có sự rõ ràng trong khái niệm về chủ thể được hưởng ưu đãi (Theo phân tích ở Chương 2, vẫn còn sự mơ hồ và không rõ ràng trong việc xác định chủ thể ưu đãi với cụm từ “doanh nghiệp được thành lập từ dự án mới đầu tư” và “thu nhập của doanh nghiệp được thực hiện từ dự án đầu tư mới”).

3.2.4. Về thủ tục hưởng ưu đãi thuế TNDN

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật cần gắn liền với việc ban hành các mẫu đăng ký, kê khai, nộp thuế và các mẫu giấy tờ liên quan để đảm bảo tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

3.2.5. Đảm bảo tính thống nhất về nội dung ưu đãi thuế TNDN trong các văn bản pháp luật có liên quan

Các bộ ngành liên quan và các cơ quan liên quan cần nhanh chóng phối hợp soạn thảo, ban hành Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư chung, thống nhất nhằm khắc phục tình trạng quy định lẻ tẻ trong nhiều văn bản như hiện nay.

3.2.6. Kiến nghị về một số vấn đề liên quan

3.2.6.1. Về phía cơ quan, cán bộ quản lý thuế

Cơ quan thuế cần thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn để giới thiệu và giải thích những luật mới cũng như những thay đổi trong luật cũ, tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ nhằm giúp cho cán bộ thuế tiếp xúc và giải thích những vấn đề thuế với các doanh nghiệp được thuận lợi. Thường xuyên giáo dục, đào tạo cán bộ, công chức thuế về ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm của công chức thuế, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp...tạo cho đội ngũ cán bộ thuế có trách nhiệm cao, có kiến thức chuyên môn sâu, có thái độ ứng xử chuyên nghiệp, văn minh và lịch sự đối với người nộp thuế.

3.2.6.2. Các giải pháp hỗ trợ

Tiếp tục phát triển mạnh mẽ hệ thống công nghệ thông tin trong các cơ quan thuế nhằm hỗ trợ cán bộ thuế trong công tác quản lý và lưu trữ thông tin.

Ban hành kịp thời các quy chế kiểm tra, thanh tra phù hợp với tình hình phát triển của các doanh nghiệp hiện nay.

Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng trong ngành thuế, xử lý nghiêm những cán bộ thuế và doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ưu đãi thuế TNDN nói riêng và pháp luật thuế nói chung, đảm bảo công bằng và tránh thất thoát nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

3.3. Kiến nghị đối với Chi cục thuế thành phố Hải Dương

Thứ nhất, về con người, để đảm bảo cho công tác quản lý được chặt chẽ, cần nâng cao trình độ chuyên môn của các cán bộ thuế, cung cấp đầy đủ phương tiện trang thiết bị công nghệ cao để các cán bộ thuế thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Bên cạnh đó, để tránh xảy ra tình trạng các cán bộ thuế lợi dụng những điểm hạn chế của pháp luật về ưu đãi thuế TNDN để trục lợi cá nhân, cần có những lớp tập huấn thật tốt về đạo đức, kỹ năng làm việc cho các đồng chí tham gia vào công tác kiểm tra quản lý doanh nghiệp.

Thứ hai, về chính sách thuế, trong các công văn trả lời của Chi cục thuế, cần thiết phải có sự tổng hợp các văn bản luật, đưa ra những giải đáp rõ ràng nhất giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc áp dụng để phát triển sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, về thủ tục hưởng ưu đãi thuế TNDN, Chi cục thuế thành phố Hải Dương cần phải thực hiện nghiêm những chính sách cải cách hành chính thuế, giúp giảm bớt khó khăn phiền hà cho doanh nghiệp.

Kết luận Chương 3

Để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế TNDN cần rất nhiều các giải pháp hợp lý được tiến hành song song. Trong đó bao gồm cả việc đổi mới các quy định cũng như việc nâng cao phẩm chất và năng lực của người cán

bộ đồng thời không thể thiếu sự hỗ trợ của tài chính và khoa học kỹ thuật hiện đại vào trong công tác quản lý thuế. Trước sự vận động không ngừng nghỉ của nền kinh tế xã hội thì mọi quy định pháp luật không bao giờ là hoàn thiện một cách tuyệt đối, điều này đòi hỏi các nhà làm luật cần không ngừng tìm tòi, nghiên cứu để sớm có những quy định bổ sung, sửa đổi hợp lý nhất với những thay đổi đó. Trong điều kiện pháp luật ưu đãi thuế TNDN của các nước trên thế giới đang có xu hướng thu hẹp diện ưu đãi như hiện nay, thì pháp luật ưu đãi thuế TNDN Việt Nam cũng cần sớm có những điều chỉnh kịp thời để Việt Nam thực sự trở thành thị trường đầu tư lý tưởng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

KẾT LUẬN

Pháp luật về ưu đãi thuế TNDN đóng vai trò vô cùng quan trọng trong pháp luật thuế TNDN nói riêng và hệ thống pháp luật thuế trực thu nói chung. Trải qua quá trình phát triển, hệ thống pháp luật thuế TNDN trong đó có ưu đãi thuế TNDN của nước ta không ngừng được sửa đổi, bổ sung, cải cách và đổi mới để thích nghi với sự vận động của nền kinh tế đất nước và phù hợp với xu thế chung của thế giới.

Trải qua gần 25 năm kể từ khi Luật thuế lợi tức – văn bản pháp luật thuế đầu tiên áp dụng thống nhất với tất cả các tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế có thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam ra đời, pháp luật ưu đãi thuế TNDN đã không ngừng được bổ sung và hoàn thiện để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn kinh tế, xã hội đất nước từng thời kỳ. Hệ thống các quy định pháp luật về ưu đãi thuế TNDN hiện nay ở Việt Nam gồm ưu đãi về thuế suất, ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế được quy định trong Luật thuế

TNDN, ngoài ra còn có rất nhiều các quy định liên quan khác được quy định trong các văn bản pháp luật như Luật đầu tư, Luật xuất bản, Luật doanh nghiệp... Với các thay đổi, cải cách trong thời gian qua, pháp luật ưu đãi thuế TNDN đã thực sự có những bước tiến vượt bậc cả về thủ tục và nội dung quy định. Tuy nhiên, bên cạnh đó, hệ thống pháp luật này vẫn không tránh được những hạn chế, tồn tại nhất định như việc các quy định còn dàn trải, thiếu thống nhất; chủ thể và diện được hưởng ưu đãi còn chưa rõ ràng...

Trong điều kiện môi trường đầu tư của Việt Nam hiện nay còn nhiều điểm chưa thuận lợi như: cơ sở hạ tầng còn yếu kém, chất lượng nhân lực chưa đảm bảo thì pháp luật về ưu đãi thuế TNDN vẫn tiếp tục được coi là yếu tố tác động quan trọng đến quyết định của các nhà đầu tư. Với điều kiện nguồn lực còn có hạn, để phát huy cao độ hiệu quả của các biện pháp kích thích kinh tế thì vấn đề quan trọng, có tính chất quyết định là việc phải điều chỉnh hệ thống pháp luật về thuế TNDN nói chung và ưu đãi thuế TNDN nói riêng phù hợp với sự phát triển kinh tế của đất nước, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới. Muốn vậy các nhà làm luật cần phải xác định rõ diện, chủ thể được hưởng ưu đãi; các ngành, lĩnh vực cần thiết phải quy định về chế độ hưởng ưu đãi; mức thuế suất và thời gian hưởng ưu đãi... một cách rõ ràng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước có cơ hội tiếp cận một cách nhanh nhất và chính xác nhất với những văn bản pháp luật ban hành. Bên cạnh đó, cần có các giải pháp hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình áp dụng pháp luật ưu đãi thuế TNDN như: hiện đại hóa quy trình làm việc, nâng cao năng lực và phẩm chất cán bộ ngành thuế, tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật thuế đến các doanh nghiệp...

Thông qua việc nghiên cứu các quy định pháp luật về ưu đãi thuế TNDN, gắn liền quá trình nghiên cứu lý luận với việc phân tích từ thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Dương, tác giả mong muốn trong thời gian tới, pháp luật về ưu đãi thuế TNDN sẽ nhanh chóng khắc phục được những hạn chế đang tồn tại, phát huy hơn nữa những thành công mà hệ thống pháp luật này đã đạt được trong thời gian qua.